

ỦY BAN DÂN TỘC**ỦY BAN DÂN TỘC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2007/TT-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn một số nội dung về Thanh tra công tác dân tộc**

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 10/2006/NĐ-CP ngày 17/01/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra công tác dân tộc;

Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thanh tra công tác dân tộc như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THANH TRA

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là người Việt Nam làm công tác dân tộc;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam

và nước ngoài khi tham gia thực hiện các chính sách dân tộc.

3. Thanh tra hành chính:

Đối tượng thanh tra hành chính của Thanh tra Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban) là cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân tộc được quy định tại Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Cơ quan Thanh tra công tác dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối tượng thanh tra hành chính là cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điểm 1.1, Mục I; Điểm 1.1, Mục II, Thông tư liên tịch số 246/2004/TTLT-UBND-BNV ngày 06/5/2004 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực

hiện Nghị định số 53/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thanh tra chuyên ngành:

Thanh tra Ủy ban Dân tộc tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách dân tộc của cơ quan, tổ chức, cá nhân về lĩnh vực công tác dân tộc trong phạm vi cả nước.

Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách dân tộc của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ về công tác dân tộc thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN THANH TRA CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Nội dung thanh tra:

1.1. Thanh tra Ủy ban thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 10/2006/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Căn cứ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc để quyết định thanh tra một hoặc một số nội dung ở các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách dân tộc, bao gồm:

Thanh tra việc xây dựng chương trình kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ; các dự án mô hình thí điểm, chính sách ưu đãi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Thanh tra hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, các nguồn lực huy động đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; việc thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số...;

Ví dụ: Tổ chức cuộc thanh tra để thanh tra một số nội dung thực hiện chính sách dân tộc như: Chương trình 134; chương trình 135; chương trình trợ giá, trợ cước mặt hàng chính sách,... ở địa phương A; hoặc khi tổ chức một cuộc thanh tra thực hiện Chương trình trợ giá, trợ cước mặt hàng chính sách ở địa phương B chỉ thanh tra một nội dung về trợ cước vận chuyển vật tư, phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp, hoặc thanh tra một nội dung trợ giá thu mua các mặt hàng nông sản, hàng hóa vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của nhà nước...

b) Thanh tra việc quản lý tài chính, tài sản công do Ủy ban Dân tộc trực tiếp quản lý;

c) Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tổ chức tiếp công dân, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật;

d) Kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc khi phát hiện những cơ quan, tổ chức ban hành các cơ chế, chính sách không phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

1.2. Thanh tra Ban Dân tộc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 10/2006/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để quyết định thanh tra một hoặc một số nội dung trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở các cơ quan, đơn vị do địa phương quản lý, bao gồm: Thanh tra các tổ chức cá nhân trong việc xây dựng chương trình kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục- đào tạo, khoa học - công nghệ; Thanh tra hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, các nguồn lực huy động đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; việc thực hiện công tác định canh, định cư

đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Việc thanh tra một hoặc một số nội dung, áp dụng theo ví dụ ở tiết a, điểm này;

b) Thanh tra việc quản lý tài chính, tài sản công do Ban Dân tộc trực tiếp quản lý;

c) Giúp Trưởng ban Dân tộc tổ chức tiếp công dân, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật;

d) Kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương và Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc ở địa phương.

Trường hợp thanh tra các tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc đóng trên địa bàn tỉnh, phải có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc ủy quyền của cơ quan Thanh tra cấp trên.

2. Việc tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra được thực hiện theo Quy chế hoạt động của đoàn thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 2151/2006/QĐ-TTCP ngày 10/11/2006 của Thanh tra Chính phủ.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thanh tra.

3.1. Khiếu nại của đối tượng thanh tra đối với quyết định xử lý và nhiệm vụ của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, Thành viên Đoàn thanh tra công tác dân tộc được thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Luật thanh tra và các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3.2. Tố cáo hành vi của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, Thành viên đoàn thanh tra công tác dân tộc được thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thanh tra và các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Cơ quan Thanh tra công tác dân tộc các cấp tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan công tác dân tộc cùng cấp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, cụ thể là:

4.1. Thanh tra Ủy ban tham mưu giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban tiếp nhận xử lý phân loại đơn khiếu nại, tố cáo; những đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân

tộc thì tham mưu, thẩm tra, xác minh, kết luận khi được giao và trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban quyết định giải quyết;

4.2. Thanh tra Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu giúp Trưởng ban Ban Dân tộc tiếp nhận xử lý phân loại đơn khiếu nại, tố cáo; những đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Trưởng ban thì tham mưu, thẩm tra, xác minh, kết luận khi được giao và trình Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định giải quyết;

4.3. Trường hợp đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (ở Trung ương), Trưởng ban Dân tộc (ở địa phương) thì hướng dẫn đối tượng gửi đơn đến cơ quan, tổ chức khác để giải quyết theo thẩm quyền. Ví dụ: Đơn khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tổ chức, cơ quan nhà nước... thì hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan quản lý đất đai hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi phát sinh tranh chấp để giải quyết, đơn khiếu nại về đền bù, giải phóng mặt bằng thì hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan quản lý tài chính hoặc Ủy ban nhân dân địa phương để giải quyết theo thẩm quyền...

4.4. Đối với đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền thì tham mưu trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức khác giải quyết theo thẩm quyền.

III. THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Thanh tra viên công tác dân tộc là công chức nhà nước được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ và thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 10/2006/NĐ-CP ngày 17/01/2006 của Chính phủ, Điều 31, Điều 40, Điều 50 của Luật thanh tra, các nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về Thanh tra viên.

2. Cộng tác viên Thanh tra công tác dân tộc là công dân Việt Nam, được cơ quan Thanh tra công tác dân tộc hoặc cơ quan Nhà nước quản lý lĩnh vực công tác dân tộc quyết định trưng tập tham gia Đoàn thanh tra là cán bộ công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thuộc tổ chức Thanh tra Nhà nước;

2.1. Người được trưng tập vào Đoàn thanh tra phải có phẩm chất đạo đức,

trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra được giao và phải hiểu biết về nghiệp vụ lĩnh vực công tác dân tộc;

2.2. Cộng tác viên tham gia Đoàn thanh tra được thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Trưởng đoàn thanh tra giao và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn, người ra quyết định trưng tập và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao. Việc trưng tập, thôi trưng tập phải đảm bảo thủ tục hành chính để xác định trách nhiệm với cơ quan trưng tập, người được trưng tập được đảm bảo các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của nhà nước.

IV. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Mối quan hệ công tác giữa Thanh tra Ủy ban với Thanh tra các bộ, ngành, thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là mối quan hệ phối hợp; khi tổ chức cuộc thanh tra thực hiện chính sách dân tộc do Thanh tra Ủy ban Dân tộc chủ trì thì Thanh tra các bộ, ngành, thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan phối hợp; trường hợp cuộc thanh tra có liên quan đến thực hiện chính sách dân tộc do Thanh tra các bộ, ngành, thanh tra các tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương chủ trì thì Thanh tra Ủy ban Dân tộc là cơ quan phối hợp.

1.1. Thanh tra Ủy ban thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ;

1.2. Hàng năm Thanh tra Ủy ban có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hướng dẫn hoặc chủ trì phối hợp với Thanh tra Ban Dân tộc tổ chức các cuộc thanh tra chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Mỗi quan hệ công tác giữa Thanh tra Ban Dân tộc với Thanh tra các sở, ngành, thanh tra huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh là mối quan hệ phối hợp; khi tổ chức cuộc thanh tra thực hiện chính sách dân tộc do Thanh tra Ban Dân tộc chủ trì thì Thanh tra các sở, ngành, thanh tra huyện, thành phố trực thuộc tỉnh là cơ quan phối hợp; trường hợp cuộc thanh tra có liên quan đến thực hiện chính sách dân tộc do Thanh tra các sở, ngành, thanh tra huyện thị, thành phố trực thuộc tỉnh chủ trì thì Thanh tra Ban Dân tộc là cơ quan phối hợp.

2.1. Chánh thanh tra Ban Dân tộc có trách nhiệm cử cán bộ, công chức, Thanh

tra viên tham gia các Đoàn thanh tra do Thanh tra Ủy ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan thanh tra chủ trì hoặc tổ chức các cuộc thanh tra liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc theo yêu cầu của Chánh thanh tra Ủy ban Dân tộc và Chánh thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2.2. Thanh tra Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo về tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc của Thanh tra Ủy ban Dân tộc;

2.3. Thanh tra Ban Dân tộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thanh tra Ủy ban Dân tộc.

3. Các cơ quan Thanh tra công tác dân tộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thanh tra, kiểm tra phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi

vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; các quy định trước đây trái với hướng dẫn tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ để kịp thời giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Ksor Phước